

Số: 33/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 08 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 46/2020/TLST-VDS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1995. Địa chỉ: Đội A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Anh Trần Văn H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Đội A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn H kết hôn với nhau từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Chị K, anh H đăng ký kết hôn ngày 26/7/2013 tại UBND xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không tu chí làm ăn để chăm lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị K, anh H đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay mà không ai quan tâm đến ai. Chị K, anh H đều nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, chị K và anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên

căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị K và anh H.

[2] Về con chung: Chị K, anh H có 01 con chung là cháu Trần Gia M, sinh ngày 04/8/2014. Chị K, anh H thống nhất giao cháu Bảo cho chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M trưởng thành; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị K, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung tại thời điểm ly hôn. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu của người thứ ba thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu

[4] Về lệ phí tòa án: Chị Nguyễn Thị K nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn H nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị K, anh H có 01 con chung là cháu Trần Gia M, sinh ngày 04/8/2014.

Giao cháu Trần Gia M cho chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi cháu M trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị K, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung tại thời điểm ly hôn. Nếu sau này có

phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu của người thứ ba thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị K nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0000227 ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã B, Mai Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga